

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2018/DS-ST

Ngày: 27/11/2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Túc

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đình Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Quý – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh N.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27/11/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 284/2018/TLST-DS ngày 07/8/2018 về tranh chấp: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 286/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty A (VPB FC).

Địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà R, số 9 đường B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Mỹ H (Theo văn bản ủy quyền số 80/UQ – VH.18 ngày 13/6/2018 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty A).

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1992, địa chỉ: Số 353 đường E, Quận H, Thành phố Đà Nẵng (Theo văn bản ủy quyền số 1662/UQTA – VH.18 ngày 01/8/2018).

2. Bị đơn: Chị Đào Nguyễn Lê X, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Đội 3, thôn P, xã T, thành phố Q, tỉnh N;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/4/2018, bản giải trình ngày 10/10/2018, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/7/2016, chị Đào Nguyễn Lê X có ký hợp đồng tín dụng số 20160704-500000-0329 với Công ty A (VPB FC) để vay số tiền 25.320.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 3,75%/tháng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong Hợp đồng, chị Đào Nguyễn Lê X có trách nhiệm thanh toán số tiền 38.835.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng, 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.619.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.598.000 đồng, bắt đầu từ ngày 05/8/2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chị X chỉ trả được 07 lần với tổng số tiền là 14.571.000 đồng. Hiện nay, chị X còn nợ Công ty A số tiền gốc 15.235.847 đồng và tiền lãi là 9.028.153 đồng. Tuy nhiên, nay Công ty A chỉ yêu cầu chị X trả lại đủ số tiền nợ gốc là 15.235.847 đồng, không yêu cầu trả lãi. Ngoài ra, Công ty A không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán cho chị X từ ngày 05/7/2018 cho đến khi xét xử.

Qua biên bản không tiến hành tổng đạt được, Biên bản xác minh điều thể hiện chị Đào Nguyễn Lê X đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị X nhận nhưng chị X từ chối ký vào biên bản giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Chị X vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không có đơn yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Trong quá trình thụ lý đơn, giải quyết vụ án, Thẩm phán đã làm đúng theo quy định của pháp luật; thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo đúng thành phần Hội đồng xét xử, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự, thẩm vấn và tranh luận khách quan. Điều hành phiên tòa đúng trình tự quy định luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng từ chối ký nhận văn bản giao, vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên Tòa lần thứ hai không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và cũng không có đơn yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB – FC) khởi kiện yêu cầu chị Đào Nguyễn Lê X có địa chỉ tại: Đội 3, thôn Phú Bình, thành phố Q, tỉnh N chỉ trả số tiền nợ gốc là 15.235.847 đồng phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 20160704 - 500000 - 0329 ngày 01/7/2016, Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh N xác định quan hệ tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn, bị đơn đã nhận và từ chối ký văn bản giao nhận. Bị đơn vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên Tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, chị Đào Nguyễn Lê X đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa, không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của Công ty A (VPB – FC). Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các tài liệu chứng cứ do Công ty cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định:

Xét Hợp đồng tín dụng số 20160704 - 500000 - 0329 ngày 01/7/2016 được giao kết giữa Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB – FC) với chị X đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, theo đó chị X đã vay Ngân hàng số tiền gốc là 25.320.000 đồng và theo kế hoạch trả nợ chị X phải trả gồm 36 kỳ với tổng số tiền là 38.835.000 đồng (trong đó tiền gốc là 25.320.000 đồng, lãi 13.515.000 đồng).

Thực hiện hợp đồng chị X đã nhận đủ số tiền và thanh toán cho Công ty A 07 lần với tổng số tiền đã trả là 14.571.000 đồng. Chị X còn nợ lại số tiền 24.264.000 đồng (trong đó: tiền gốc là 15.235.847 đồng và nợ lãi là 9.028.153 đồng). Kể từ ngày 15/8/2017 đến nay chị X không thanh toán thêm bất cứ khoản nào. Tại phiên tòa chị X vắng mặt lần thứ hai và trong quá trình giải quyết vụ án chị X đã biết nội dung đơn yêu cầu khởi kiện của Công ty nhưng cũng không có văn bản phản đối nội dung yêu cầu khởi kiện của Công ty và không yêu cầu Tòa án phải thu thập thêm tài liệu, chứng cứ nào. Tại phiên tòa, đại diện bên nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi chỉ yêu cầu chị X trả đủ số tiền gốc còn lại là 15.235.847 đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi cho bị đơn.

Do chị X đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Đào Nguyễn Lê X phải chịu: $(15.235.847) \text{ đồng} \times 5\% = 761.792$

đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty A (VPB – FC) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003521 ngày 06/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

[4] Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử, có căn cứ và đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 92, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, 238, 244, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A (VPB – FC) về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng số 20160704 - 500000 - 0329 ngày 01/7/2016.

Buộc chị Đào Nguyễn Lê X phải thanh toán cho Công ty A (VPB – FC) số tiền nợ gốc là 15.235.847 đồng (Mười lăm triệu, hai trăm ba mươi lăm nghìn, tám trăm bốn mươi bảy đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty A (VPB – FC) về việc không yêu cầu bị đơn trả lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đào Nguyễn Lê X phải chịu 761.792 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty A (VPB – FC) số tiền 606.600 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003521 ngày 06/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND thành phố Q;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- *Chi cục THADS thành phố Q*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

Trần Thị Túc